

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TUY ĐỨC
TỈNH ĐẮK NÔNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **13/2022/HNGĐ-ST**

Ngày: 10 - 8 - 2022

V/v: Kiện xin Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TUY ĐỨC, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Phiêm.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Vũ Đức Minh và bà Võ Thị Thanh Tâm.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức tỉnh Đắk Nông tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ly - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 8 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 11/TLST-HNGĐ, ngày 14 tháng 01 năm 2022 về việc “*Ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 07/2022/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 6 năm 2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12 tháng 7 năm 2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Dương Thị N, sinh năm 1975 - có mặt.

Địa chỉ: Thôn LY, xã PL, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk;

Bị đơn: Ông Phạm TH, sinh năm 1969 - vắng mặt lần thứ hai không có lý do;

Địa chỉ: Thôn T, xã ĐS, huyện TĐ, tỉnh Đắk Nông;

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn bà Dương Thị N trình bày:

Bà Dương Thị N và ông Phạm TH chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2015 và có đăng ký kết hôn vào ngày 22/6/2017 tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk trên cơ sở tự nguyện không ai ép buộc. Quá trình chung sống hạnh phúc đến đầu năm 2019 thì vợ chồng bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, cãi vã. Nguyên nhân do cả hai đều đã lớn tuổi, quá trình chung sống không có con chung, khoảng cách tuổi tác lớn nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng đã cố hàn gắn tình cảm nhưng không được và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 cho đến nay. Xét thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, tình cảm vợ chồng không còn, không thể kéo dài đời sống hôn nhân thêm nữa nên bà N yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn với ông Phạm TH. Về con chung, tài sản chung và nợ chung đều không có nên bà N không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Bị đơn ông Phạm TH hiện không có mặt tại địa phương nên không tiến hành lấy lời khai, làm việc, công khai chứng cứ và hòa giải được với ông Phạm TH.

Tại phiên tòa, bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện xin được ly hôn. Căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tuy Đức xác định việc chấp hành của Thẩm phán, HĐXX, Thư ký từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm HĐXX nghị án đã thực hiện đúng quy định của BLTTDS, nguyên đơn chấp hành nghiêm các quy định của BLTTDS; bị đơn vắng mặt không có lý do không chấp hành đúng các quy định tại Điều 70; 72 của Bộ Luật tố tụng dân sự. Về quan điểm giải quyết, đề nghị HĐXX:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; khoản 1 Điều 39; Điều 143; Điều 147; khoản 2 Điều 227; Điều 264; Điều 267; Điều 271 và Điều 273 của BLTTDS; khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 53; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình 2014; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội: Chấp nhận đơn khởi kiện của bà Dương Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị N được ly hôn với ông Phạm TH.

Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết nên không đề cập.

Về án phí: Bà Dương Thị N phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật và thẩm quyền giải quyết tranh chấp: Bà Dương Thị N và ông Phạm TH chung sống và có đăng ký kết hôn. Ngày 04/01/2022 bà N nộp đơn xin ly hôn với ông Phạm TH. Vì vậy, Hội đồng xét xử xác định quan hệ tranh chấp trong vụ án này là “Ly hôn” được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. ông Phạm TH có đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn TĐ, xã ĐS, huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, Tòa án có thẩm quyền giải quyết tranh chấp là Tòa án nhân dân huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông theo điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng:

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập và tổng đạt các thủ tục tố tụng hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn ông Phạm TH không lên Tòa án làm việc. Quá xác minh tại chính quyền địa phương được biết hiện ông Phạm TH không có mặt tại địa phương nhưng chưa cắt hộ khẩu vẫn đi về. Như vậy, ông Phạm TH đã cố tình giấu địa chỉ nên Tòa án đã tiến hành niêm yết các thủ tục tố tụng cho ông Phạm TH theo thủ tục chung, theo quy định của pháp luật và không tiến hành hòa giải được.

Tại phiên tòa ngày 12/7/2022, ông Phạm TH vắng mặt không có lý do nên Tòa án đã quyết định hoãn phiên tòa theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa ngày hôm nay ông Phạm TH vẫn vắng mặt không có lý do nên Tòa án xét xử vắng mặt bị đơn ông Phạm TH theo quy định tại khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị N và ông Phạm TH kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk, giấy đăng ký số 97/2017 vào ngày 22/6/2017 trên cơ sở tự nguyện không bị ai ép buộc. Vào thời điểm kết hôn, cả bà N và ông Phạm TH đều đã đủ tuổi kết hôn vì vậy quan hệ hôn nhân giữa bà N và ông Phạm TH là hợp pháp.

Về yêu cầu xin ly hôn của bà N: Bà N nhận thấy quá trình cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc do không có con chung, khoảng cách tuổi tác lớn nên dẫn đến vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung và đã sống ly thân từ đầu năm 2020 đến nay, không quan tâm gì đến nhau nữa nên không thể tiếp tục chung sống.

Qua xác minh tại chính quyền địa phương nơi bà N và ông Phạm TH chung sống được biết quá trình sinh sống tại địa phương không xảy ra mâu thuẫn gì, hiện bà N đã chuyển khẩu về xã PL, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk còn ông Phạm TH đi đâu làm gì chính quyền địa phương không biết.

Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà N và ông Phạm TH là có thật, hai bên đã sống ly thân một thời gian dài không còn quan tâm gì đến nhau, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn của bà Dương Thị N là có cơ sở nên cần chấp nhận.

[4] Về con chung, tài sản chung và nợ chung: Bà N xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí: Án phí ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng. Do yêu cầu của bà N được chấp nhận vì vậy bà Dương Thị N phải chịu toàn bộ số tiền trên, khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 91; Điều 147; Điều 266; Điều 271; Điều 273 BLTTDS;

Áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57 Luật Hôn nhân và Gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2014 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận đơn khởi kiện của Bà Dương Thị N.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Dương Thị N được ly hôn với ông Phạm TH.

Về án phí: Bà Dương Thị N phải chịu án phí Ly hôn sơ thẩm là 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng), được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí bà N đã nộp theo

biên lai thu tiền số 0002141 ngày 14 tháng 01 năm 2022 tại Chi cục thi hành án Dân sự huyện Tuy Đức, tỉnh Đắk Nông.

Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận:

- Phòng KTNV - TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Tuy Đức; (2 bản).
- Chi cục THADS huyện Tuy Đức;
- UBND xã E, huyện KN, tỉnh Đắk Lắk;
- Các đương sự;
- Lưu HSVA. Lưu VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký và đóng dấu

Phạm Văn Phiêm